

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI  
CHUYÊN NGÀNH 1: KHÓA HỌC VẬT NUÔI (CN1)  
CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
CN03506: CHĂN NUÔI ĐÀ ĐIỀU, BÒ CÂU VÀ CHIM CÚT (OSTRICT AND BIRD PRODUCTION)

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 4
- Tín chỉ: **2 (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 – Tự học: 6 )**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Nghe giảng lý thuyết trên lớp: 23 tiết
  - + Thực hành: 07 tiết (tương đương 15 tiết quy đổi)
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Chăn nuôi chuyên khoa
  - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
		Chuyên ngành 1		Chuyên ngành 2		Chuyên ngành 1		Chuyên ngành 2	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi**

**\* Mục tiêu của học phần:**

Học phần nhằm trang bị cho người học **kiến thức** về chăm sóc và nuôi dưỡng Dài điều, Bò câu và chim cút. Người học được rèn luyện các **kỹ năng** về chọn giống, xây dựng khẩu phần ăn cho Dài điều, Bò câu và chim cút, quy trình ấp trứng nhân tạo; quy trình chăm sóc nuôi dưỡng Dài điều, Bò câu và chim cút phù hợp với sinh lý, tập tính của loài chim, mang lại lợi nhuận cho người chăn nuôi và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động chăn nuôi tới môi trường. Học phần cũng giúp cho người học **rèn luyện thái độ** làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, và tăng cường khả năng thích ứng, chủ động phối hợp làm việc nhóm.



**\* Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

<b>Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi</b> Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	<b>CDR1: Áp dụng</b> các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	<b>CDR 2: Phân tích</b> các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	<b>CDR 3: Đánh giá</b> hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	<b>CDR 4: Thiết kế</b> các chương trình tổ chức sản xuất chăn nuôi đảm bảo chăn nuôi bền vững
Kỹ năng tổng quát	<b>CDR 5: Vận dụng</b> tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	<b>CDR 6: Phối hợp</b> làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	<b>CDR 7: Giao tiếp</b> hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	<b>CDR 8: Vận dụng</b> các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	<b>CDR 9: Ứng dụng</b> kỹ thuật, công nghệ và các mô hình chăn nuôi vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	<b>CDR 10: Sử dụng</b> công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	<b>CDR 11: Thực hiện</b> thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức	<b>CDR 12: Tuân thủ</b> pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	<b>CDR 13:</b> Thể hiện <b>trách nhiệm</b> bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	<b>CDR 14:</b> Thể hiện <b>tinh thần</b> học tập suốt đời

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	
CN03506	Chăn nuôi Dài điều, Bò câu và		P	P					
		CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14	



	chim cút	P			P	R		
--	----------	---	--	--	---	---	--	--

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>		
K1	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của Đà điểu, Bò câu và chim cút	<b>CDR 2: Phân tích</b> các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
K2	Đánh giá tình trạng sức khỏe của Đà điểu, Bò câu và chim cút dựa trên các đặc điểm ngoại hình	<b>CDR 3: Đánh giá</b> hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
<b>Kỹ năng</b>		
K3	Khảo sát, thu thập và xử lý thông tin chuồng trại phục vụ xây dựng và đánh giá các qui trình kỹ thuật chăn nuôi Đà điểu, Bò câu và chim cút.	<b>CDR 8: Vận dụng</b> các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
K4	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản chăm sóc và nuôi dưỡng Đà điểu, Bò câu và chim cút theo các tiêu chí phát triển nông nghiệp bền vững	<b>CDR 11: Thực hiện</b> thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
<b>Thái độ và phẩm chất đạo đức</b>		
K5	Tuân thủ quy định nội bộ	<b>CDR 12: Tuân thủ</b> pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

### III. Nội dung tóm tắt của học phần

**CN03502. Chăn nuôi Đà điểu, Bò câu và chim cút (Ostrich and Bird production) (2TC: 1,5 – 0,5 - 6).** Học phần bao gồm các chương: Đặc điểm sinh học cơ bản của đà điểu, bò câu và chim cút; Ấp trứng nhân tạo; Kỹ thuật nuôi dưỡng các loại Đà điểu, Bò câu và chim cút. Học phần có 3 bài thực hành, gồm:

- Bài 1: Khảo sát và đánh giá chất lượng trứng chim cút
- Bài 2: Khảo sát và đánh giá chất lượng thịt bò câu
- Bài 3: Khảo sát chuồng trại

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề
- Giảng dạy thông qua phim tư liệu và thảo luận
- Giảng dạy thông qua thực hành và tham quan thực tế
- Dạy qua e-learning:

#### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo,
- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tìm tài liệu, thảo luận
- Xem phim tư liệu, thực hành
- E-learning: Tìm và tra cứu tài liệu; làm bài tập



## V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết lý thuyết của học phần và tham gia các hoạt động trên lớp (thảo luận trên lớp và trên e-learning...).
- Thực hành: Sinh viên phải tham dự tất cả các nội dung thực hành
- Thi cuối kì: Hoàn thành bài thi cuối kỳ.

## VI. Đánh giá và cho điểm

### 1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần: là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%
  - + Tham dự lớp: 10%
  - + Thực hành: 30%
- Điểm thi cuối kì: 60%

### 3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD của học phần	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
<b>Đánh giá quá trình</b>		<b>40</b>	
Rubric 1. Đánh giá tham dự lớp và thảo luận	K5	10	Tuần 1-7
Rubric 2. Đánh giá thực hành (theo nhóm)	K3, K4, K5	30	Tuần 3-8
<b>Đánh giá cuối kì</b>		<b>60</b>	
Rubric 3. Thi cuối kì	K1, K2, K3, K5		Theo lịch của HIV

### Rubric 1: Đánh giá tham dự học tập trên lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng ≤ 10%	Vắng ≤ 15%	Vắng ≤ 25% (không có lý do) hoặc Vắng ≤ 30% (có lý do)	Vắng >25% (không có lý do) hoặc Vắng >30% (có lý do)

### Rubric 2: Đánh giá thực hành (Theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tham gia đầy đủ các buổi thực hành; Tích cực thảo luận	Tham gia đầy đủ các buổi thực hành; có tham gia thảo luận	Tham gia đầy đủ các buổi thực hành; thỉnh thoảng tham gia thảo luận	Không tham gia đầy đủ các buổi thực hành



Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Kết quả thực hành	70	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Đúng format và nộp muộn không quá 2 ngày	Đúng format và nộp muộn không quá 7 ngày	

### Rubric 3: Đánh giá thi cuối kỳ

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận

KQHTMD của học phần được đánh giá	Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi
K1,2	Đặc điểm sinh lý – giải phẫu của đà điểu, bò câu và chim cú	Chỉ báo 1: Trình bày những đặc điểm sinh lý – giải phẫu quan trọng của đà điểu, bò câu và chim cú. Ứng dụng những đặc điểm này vào trong thực tế
K1,2	Ấp trứng nhân tạo	Chỉ báo 2: Trình bày sự phát triển của phôi đà điểu, bò câu và chim cú trong quá trình ấp, các điều kiện cần thiết cho phôi phát triển và quy trình ấp trứng nhân tạo.
K1,2, 3, 4	Kỹ thuật chăn nuôi Đà điểu	Chỉ báo 3: Vận dụng kiến thức về đặc điểm sinh lý quan trọng của Đà điểu để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng hợp lý
K1,2, 3, 4	Kỹ thuật chăn nuôi Bò câu	Chỉ báo 4: Vận dụng kiến thức về đặc điểm sinh lý quan trọng của Bò câu để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng hợp lý
K1,2, 3, 4	Kỹ thuật chăn nuôi Chim cú	Chỉ báo 5: Vận dụng kiến thức về đặc điểm sinh lý quan trọng của chim cú để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng hợp lý

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

*Lý thuyết:* Có mặt trên lớp học lý thuyết ít nhất 75% số tiết quy định.

*Thực hành:* Tham gia đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành và phải có báo cáo thực hành.

*Tham dự thi cuối kỳ:* Trường hợp không tham gia bài thi cuối kỳ sẽ nhận điểm không.

*Yêu cầu về đạo đức:* Ăn mặc gọn gàng, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và làm việc riêng trong lớp.

#### VII. Giáo trình/tài liệu tham khảo

##### \* Giáo trình/ Bài giảng:

Bùi Hữu Đoàn (2009). Giáo trình chăn nuôi đà điểu và chim. NXB Nông nghiệp.

##### \* Tài liệu tham khảo khác

Tài liệu tiếng Việt

- Nguyễn Minh Trí (2009). Kỹ thuật nuôi chim bò câu, chim cú



- Phùng Đức Tiến; Hoàng Văn Lộc; Nguyễn Khắc Thịnh 2009. Nghề chăn nuôi đà điểu
- Okumu F. (2015). Quail Farming: Markets and Marketing Strategies. 1<sup>st</sup> ed, Createspace Independent Pub.
- Rodendale R. (2015). Quails As Pets. Quail Owners Manual. Quail Keeping Pros and Cons, Care, Housing, Diet and Health. 1<sup>st</sup> ed, IMB Publishing.

### VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung
<b>LÝ THUYẾT (23 tiết)</b>	
1 - 2	<b>Chương 1: Đặc điểm sinh học cơ bản của đà điểu, bồ câu và chim cút (4 tiết)</b>
	<b>A/Các nội dung chính trên lớp:</b> <b>Nội dung GD lý thuyết (3 tiết):</b> 1. Giới thiệu môn học 2. Tình hình chăn nuôi đà điểu, bồ câu và chim cút trên thế giới 3. Tình hình chăn nuôi đà điểu, bồ câu và chim cút ở Việt Nam 4. Một số đặc điểm sinh học cơ bản của đà điểu, bồ câu, và chim cút <b>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</b>
	<b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</b> 5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.
2 - 3	<b>Chương 2: ẤP trứng gia cầm nhân tạo (4 tiết)</b>
	<b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> <b>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</b> 1. Giới thiệu về ấp trứng nhân tạo 2. Sinh trưởng và phát triển của phôi 3. Dinh dưỡng và hô hấp của phôi 4. Kỹ thuật ấp trứng 5. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp <b>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</b>
	<b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</b> 6. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.
3	<b>Chương 3: Chăn nuôi đà điểu (3 tiết)</b>
	<b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> <b>Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết)</b> 1. Đặc điểm và tính năng sản xuất của một số giống đà điểu 2. Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho đà điểu 3. Chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi đà điểu <b>Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết)</b>

	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <p>5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
4	<p><b>Chương 3: Chăn nuôi đà điểu (tt) (3 tiết)</b></p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b>  <b>Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ thuật nuôi đà điểu non</li> <li>2. Kỹ thuật nuôi đà điểu hậu bị</li> <li>3. Kỹ thuật nuôi đà điểu sinh sản</li> <li>4. Kỹ thuật nuôi đà điểu thịt</li> </ol> <p><b>Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết)</b></p>	
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <p>5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
	<p><b>Chương 3: Chăn nuôi bò câu (3 tiết)</b></p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b>  <b>Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đặc điểm và tính năng sản xuất của một số giống bò câu</li> <li>2. Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho bò câu</li> <li>3. Chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi bò câu</li> <li>4. Kỹ thuật chăn nuôi bò câu</li> </ol> <p><b>Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết)</b></p>	
5	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <p>6. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
	<p><b>Chương 4: Chăn nuôi chim cú (3 tiết)</b></p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b>  <b>Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đặc điểm và tính năng sản xuất của một số giống chim cú</li> <li>2. Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho chim cú</li> <li>3. Chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi chim cú</li> </ol> <p><b>Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết)</b></p>	
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <p>5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
7	<p><b>Chương 4: Chăn nuôi chim cú (tt) (3 tiết)</b></p>	



	<p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kỹ thuật nuôi các loại chim cút sinh sản</li> <li>2. Kỹ thuật nuôi các loại chim cút siêu thịt</li> </ol> <p><b>Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết)</b></p>	
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</li> </ol>	
<b>THỰC HÀNH ( 7 tiết chuẩn tương đương 15 tiết quy đổi)</b>		
Theo lịch TH của HV	<p><b>A/ Nội dung chính tại phòng thực hành (10 tiết quy đổi)</b></p> <p><b>Bài 1: Khảo sát chất lượng trứng chim bồ câu (5 tiết quy đổi tương đương 1 buổi học)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các phương pháp đánh giá chất lượng trứng gia cầm</li> <li>- Đánh giá chất lượng trứng chim cút</li> </ul> <p><b>Bài 2: Khảo sát chất lượng thịt chim bồ câu (5 tiết quy đổi tương đương 1 buổi học)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu các phương pháp đánh giá chất lượng thịt gia cầm</li> <li>- Mô khảo sát một số chỉ tiêu về năng suất thịt bồ câu</li> </ul>	
	<p><b>B/ Nội dung thực hành tại cơ sở (5 tiết quy đổi)</b></p> <p><b>Bài 3: Khảo sát chuồng nuôi chim bồ câu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát chuồng trại chăn nuôi gia cầm</li> </ul>	
	<p><b>C/ Nội dung cần học ở nhà (21 tiết)</b></p> <p>Sinh viên tự tìm hiểu trước về quy trình chăn nuôi, các kiểu chuồng và các vật tư trang thiết bị dùng cho chăn nuôi.</p>	

### IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học, thực hành: giảng đường, phòng học có sức chứa 50-60 sinh viên, gọn gàng và sạch đẹp và có thể truy cập Internet. Phòng thực hành đủ chỗ ngồi cho sinh viên và đủ diện tích cho nội dung thực hành.

Phương tiện phục vụ giảng dạy: có đầy đủ máy chiếu projector tốt, có bảng chiếu, bảng viết phấn, máy tăng âm, có hệ thống loa phát để xem băng hình, hệ thống dây ổ điện và phích cắm; Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học E-learning.

### X. Các đợt cải tiến

#### Lần 1 (7/2018)

- Cập nhật tình hình chăn nuôi Đà diều, Bồ câu và chim cút trên thế giới và trong nước

#### Lần 2 (7/2019)

- Cập nhật tình hình chăn nuôi Đà diều, Bồ câu và chim cút trên thế giới và trong nước
- Sử dụng E learning vào trong hoạt động giảng dạy
- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước



- Bổ sung kết quả đề tài NCKH cấp thành phố Hà Nội vào phần *Ứng dụng chọn lọc theo công nghệ gen* vào chương 2. Giống và công tác giống

**Lần 3 (7/2020)**

- Sử dụng hệ thống MS-teams vào trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập
- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước
- Bổ sung thêm phần "*An toàn sinh học trong ấp trứng*" vào chương 5. Ấp trứng gia cầm
- Sử dụng MS-teams vào trong giảng dạy

**Lần 4 (7/2021)**

- Cập nhật tình hình chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TS. Trần Hiệp  
TRƯỞNG KHOA**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**PGS.TS Phạm Kim Đăng**

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Thị Phương

**KT. GIÁM ĐỐC**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



**KT. GIÁM ĐỐC**

*GS.TS. Phạm Văn Cường*

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM  
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Bùi Hữu Đoàn	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0975 229 668
Email: bhdoan@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

**Giảng viên giảng dạy học phần**

Họ và tên: Hoàng Anh Tuấn	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 098 911 9184
Email: hatuan@vnua.edu.vn	Trang web
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

**Giảng viên giảng dạy học phần**

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương	Học hàm, học vị: ThS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0971 444 338
Email: ntphuongngc@gmail.com	Trang web
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)